

QUY ĐỊNH

về tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả học tập, quán triệt, tuyên truyền các nghị quyết, chỉ thị và văn bản của Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam,
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Căn cứ Kết luận số 148-KL/TW ngày 08/4/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kết quả kiểm tra một số chuyên đề công tác trọng tâm năm 2025,
- Căn cứ Kế hoạch số 103-KH/TU ngày 16/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khắc phục những hạn chế, khuyết điểm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Kết luận số 148-KL/TW ngày 08/4/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kết quả kiểm tra một số chuyên đề công tác trọng tâm năm 2025,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả học tập, quán triệt, tuyên truyền các nghị quyết, chỉ thị và văn bản của Đảng trên địa bàn tỉnh, như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Xác định cụ thể các tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả trong công tác học tập, quán triệt, tuyên truyền và tiếp thu các nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Đảng; từ đó làm căn cứ để đánh giá đúng mức độ chuyển biến về nhận thức, tư tưởng chính trị và hành động thực tiễn của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên sau khi học tập, quán triệt.

Tăng cường nâng cao tính thiết thực, hiệu quả; kỷ luật, kỷ cương trong công tác tổ chức học tập nghị quyết, chỉ thị, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác chính trị, tư tưởng trong toàn Đảng bộ tỉnh theo hướng ngày càng thực chất, hiệu quả hơn.

Đổi mới hình thức đánh giá chất lượng công tác lý luận chính trị, từng bước chuẩn hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xây dựng Đảng.

Phát huy tính chủ động, tự giác nghiên cứu, học tập của cán bộ, đảng viên.

2. Yêu cầu

Đảm bảo tính khách quan, toàn diện, công khai, minh bạch, dân chủ trong quá trình đánh giá.

Gắn kết quả đánh giá nhận thức với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị và cá nhân.

Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò của cấp ủy, tổ chức đảng và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi: Trong toàn Đảng bộ tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Các cấp ủy, tổ chức đảng, toàn thể cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh (*trừ các trường hợp miễn sinh hoạt đảng theo quy định*).

Chương II

NỘI DUNG, TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Điều 3: Nội dung và tiêu chí đánh giá

1. Đối với tập thể (cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị)

Tự đánh giá hoặc đánh giá theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền dựa trên các nội dung và tiêu chí sau:

Tiêu chí 1: Vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện

Có kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt; người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo, tổ chức.

Có kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt; cấp phó chỉ đạo, tổ chức.

Có kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt; phân công các thành viên trong cấp ủy chỉ đạo, tổ chức.

Tiêu chí 2. Tài liệu học tập, tuyên truyền cho các đối tượng

Tài liệu học tập được tiếp nhận đầy đủ, kịp thời theo hướng dẫn của cấp trên; phân bổ đầy đủ đến người học (*có danh sách phân bổ tài liệu*).

Tài liệu học tập được cấp trên cung cấp nhưng chưa được phân bổ đầy đủ hoặc kịp thời đến người học.

Thiếu tài liệu học tập theo quy định.

Tiêu chí 3. Đảm bảo thời gian hoàn thành tổ chức triển khai học tập, quán triệt, tuyên truyền

Sớm hơn hoặc đúng so với thời gian quy định.

Trễ không quá 1 tháng so với thời gian quy định.

Trễ hơn 1 tháng hoặc không triển khai, quán triệt, cụ thể hóa.

Tiêu chí 4. Tổ chức quản lý lớp học

Phân công cán bộ theo dõi hội nghị, thực hiện điểm danh (kèm danh sách đại biểu vắng có lý do và không có lý do); báo cáo kết quả học tập nghị quyết, chỉ thị.

Phân công cán bộ theo dõi hội nghị, thực hiện điểm danh, báo cáo kết quả học tập nghị quyết, chỉ thị; thiếu danh sách đại biểu tham gia hội nghị vắng (có lý do và không có lý do).

Không phân công cán bộ theo dõi hội nghị và không nắm số lượng đại biểu tham dự hội nghị.

Tiêu chí 5. Các hình thức trong triển khai, quán triệt, tuyên truyền; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin (*trực tiếp và trực tuyến*)

Có nhiều điểm mới trong quán triệt, tuyên truyền cả về hình thức và nội dung (hình thức đa dạng, phong phú, chất lượng ngày càng được nâng cao) trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, như: tổ chức hội nghị trực tiếp, hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến, trên các nền tảng mạng xã hội, trang thông tin điện tử của địa phương, cơ quan, đơn vị, v.v...

Có ứng dụng công nghệ thông tin nhưng chưa thường xuyên.

Hình thức quán triệt, tuyên truyền theo truyền thống, không ứng dụng công nghệ thông tin.

Tiêu chí 6. Tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia học tập, quán triệt

Từ 97% trở lên.

Từ 80% đến dưới 97%.

Dưới 80%.

Tiêu chí 7. Tỷ lệ đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân tham gia học tập.

Từ 85% trở lên.

Từ 60% đến dưới 85%.

Dưới 60%.

Tiêu chí 8. Tính bình quân kết quả các cá nhân thực hiện bài kiểm tra đánh giá nhận thức của cán bộ, đảng viên

Tỷ lệ bài đạt từ 85% trở lên.

Tỷ lệ bài đạt từ 60% đến dưới 85%.

Dưới 60%.

Tiêu chí 9. Tổ chức theo dõi, đánh giá việc triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Đảng

Thực hiện thường xuyên, đầy đủ.

Thực hiện không thường xuyên.

Không thực hiện.

Tiêu chí 10. Sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị.
Thực hiện đúng thời gian.

Thực hiện chậm (*không quá 30 ngày căn cứ theo kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*).

Thực hiện chậm (*quá 30 ngày căn cứ theo Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*) hoặc không thực hiện.

2. Đối với cá nhân

Tham gia đầy đủ và ý thức, trách nhiệm học tập, quán triệt. Tiếp thu nội dung nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Đảng.

Thực hiện bài đánh giá nhận thức bản thân thông qua việc học tập nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Đảng.

Điều 4: Tiêu chí điểm cộng trong đánh giá đối với tập thể

Ngoài các tiêu chí quy định tại Điều 3 của quy định, các tập thể được xem xét cộng điểm đối với các nội dung sau:

- Tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia học tập, kiểm tra đạt 100%.
- Chủ động biên soạn hoặc lựa chọn, cập nhật nội dung phù hợp với thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị.
- Có các hình thức sáng tạo trong tổ chức học tập, tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả (video, clip, Infographics, mạng xã hội, podcast, bài viết, tin, ảnh được đăng trên phương tiện truyền thông, cơ quan báo chí...)

Điều 5: Đánh giá, phân loại chất lượng, hiệu quả việc học tập, quán triệt, tuyên truyền (*kèm theo bảng tiêu chí*)

1. Đối với tập thể

Xếp loại chất lượng, hiệu quả **“Tốt”**: đạt từ 90 điểm trở lên

Xếp loại chất lượng, hiệu quả **“Khá”**: đạt từ 70 điểm đến dưới 90 điểm.

Xếp loại chất lượng, hiệu quả **“Trung bình”**: đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.

Xếp loại chất lượng, hiệu quả **“chưa đạt yêu cầu”**: dưới 50 điểm.

2. Đối với cá nhân

Trả lời đạt từ 75% trở lên số câu trả lời đúng, xếp loại: Tốt.

Trả lời đạt từ 65% đến dưới 75% câu trả lời đúng, xếp loại: Khá.

Trả lời đạt từ 50% đến dưới 65% câu trả lời đúng, xếp loại: Trung bình

Trả lời đạt dưới 50% câu trả lời đúng, xếp loại: Chưa đạt yêu cầu.

Điều 6: Phương pháp đánh giá

Sau khi kết thúc hội nghị học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện, yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tự đánh giá chất lượng, hiệu quả và mức độ nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc của đơn vị (*theo Bảng tiêu chí kèm theo*).

Việc thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm chỉ thực hiện đối với các nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy được triển khai thông qua việc tổ chức hội nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và hội nghị Ban Thường vụ các cấp ủy trực thuộc tỉnh. Các văn bản triển khai bằng các hình thức khác do cấp ủy quyết định thực hiện hay không thực hiện đánh giá bằng bài kiểm tra trắc nghiệm.

Đối với hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm đánh giá nhận thức của cán bộ, đảng viên đối với việc học tập quán triệt trong toàn Đảng bộ; giao đồng chí Bí thư các cấp ủy trực thuộc tỉnh chỉ đạo bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc thực hiện việc đánh giá kết quả học tập qua bộ câu hỏi trắc nghiệm trên phần mềm Sổ tay Đảng viên điện tử.

Đối với Hội nghị Ban Thường vụ các cấp ủy trực thuộc tỉnh tự tổ chức: Ban Thường vụ các cấp ủy trực thuộc tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm và thực hiện đánh giá nhận thức của cán bộ, đảng viên với hình thức phù hợp.

Điều 7: Cấu trúc bài đánh giá nhận thức của cán bộ, đảng viên.

Cấu trúc bài đánh giá nhận thức của cán bộ, đảng viên, gồm: 04 nội dung và có ít nhất 10 câu hỏi.

1. Nhận biết nội dung cơ bản của nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Đảng với dạng câu hỏi trắc nghiệm.
2. Nội dung mới, điểm nhấn của nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Đảng với dạng câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn.
3. Hiểu biết về bối cảnh, căn cứ ban hành với dạng câu hỏi đúng/sai hoặc lựa chọn.
4. Câu hỏi tự luận mở rộng, nâng cao (*nếu có*).

Điều 8: Sử dụng kết quả đánh giá

Phục vụ công tác đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên cuối năm.

Phục vụ công tác quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ, xét khen thưởng, thi đua.

Phục vụ công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức học tập, công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nghị quyết, chỉ thị và các văn bản mới của Trung ương, Tỉnh ủy tại các cấp ủy, cơ quan, đơn vị;

Phục vụ công tác thi đua, khen thưởng hàng năm trong ngành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy bộ câu hỏi đánh giá mức độ tiếp thu, nhận thức của cán bộ, đảng viên đối với hội nghị do Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức.

Hướng dẫn việc triển khai và theo dõi việc thực hiện Quy định này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đảm bảo hiệu quả và báo cáo về Thường trực Tỉnh ủy theo quy định.

Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy đăng tải bộ câu hỏi lên Sổ tay đảng viên điện tử để phục vụ công tác nghiên cứu, học tập của chi bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Điều 10. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy tiếp nhận và đăng tải bộ câu hỏi đánh giá mức độ tiếp thu, nhận thức của cán bộ, đảng viên lên “Sổ tay Đảng viên điện tử.

Đưa kết quả đánh giá chất lượng, hiệu quả học tập, quán triệt, tuyên truyền nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Đảng vào quy định, kế hoạch, hướng dẫn làm tiêu chí để thực hiện việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý hàng năm.

Điều 11. Trách nhiệm của các cấp ủy trực thuộc tỉnh

Chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Đảng phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; chỉ đạo bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc thực hiện đánh giá kết quả học tập qua Sổ tay Đảng viên điện tử.

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt và triển khai cho cán bộ, đảng viên nắm rõ nội dung; chỉ đạo cơ quan liên quan xây dựng bộ câu hỏi đánh giá và thực hiện đánh giá mức độ tiếp thu, nhận thức của cán bộ, đảng viên sau khi học tập, quán triệt các nội dung nghị quyết, chỉ thị và văn bản của Đảng do cấp ủy tổ chức đảm bảo theo quy định, trung thực, khách quan và đạt chất lượng.

Thực hiện nghiêm túc việc báo cáo kết quả học tập, đánh giá nhận thức về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy*). Thời gian gửi báo cáo thực hiện theo đúng tiến độ quy định tại kế hoạch triển khai học tập, quán triệt, tuyên truyền do Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành hoặc theo yêu cầu cụ thể của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy và các cơ quan có thẩm quyền liên quan; đồng thời, phân tích kết quả, rút kinh nghiệm để chỉ đạo, khắc phục hạn chế, nâng cao chất lượng học tập.

Có biện pháp chấn chỉnh, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của tổ chức đảng có số lượng đảng viên tham gia học tập thấp và tỷ lệ bài kiểm tra đánh giá mức độ tiếp thu, nhận thức của đảng viên đạt dưới 60%.

Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chất lượng tổ chức học tập, quán triệt và hiệu quả chuyển biến nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên trong đơn vị.

Điều 12. Trách nhiệm của cán bộ, đảng viên

Nghiêm túc học tập, nghiên cứu tài liệu và làm bài kiểm tra đầy đủ, trung thực. Chủ động học lại nếu không đạt yêu cầu theo phân loại.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cấp ủy, tổ chức đảng kịp thời phản ánh về Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Quy định này triển khai đến chi bộ, đảng viên.

Nơi nhận:

- Các ban đảng và VP TW Đảng.
- Các đ/c UV BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các cấp ủy trực thuộc,
- Các ban đảng và Văn phòng Tỉnh ủy,
- CP.VPTU-L2, T,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Tôn Ngọc Hạnh

BẢNG TIÊU CHÍ
đánh giá chất lượng, hiệu quả học tập, quán triệt, tuyên truyền
nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Đảng

STT	TIÊU CHÍ	ĐIỂM	TỰ ĐÁNH GIÁ	GHI CHÚ
I	ĐỐI VỚI TẬP THỂ			
1	<i>Vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện</i>	10		
	- Có kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt; người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo tổ chức.	10		
	- Có kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt; cấp phó chỉ đạo tổ chức.	8		
	- Có kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt; phân công các thành viên trong cấp ủy chỉ đạo tổ chức.	5		
2.	<i>Tài liệu học tập, tuyên truyền cho các đối tượng (đối với hội nghị có tài liệu, lựa chọn 01 trong 03 tiêu chí để chấm điểm; hội nghị không có tài liệu, được tính điểm tối đa)</i>	10		
	- Tài liệu học tập được tiếp nhận đầy đủ, kịp thời theo hướng dẫn của cấp trên; phân bổ đầy đủ đến người học (có danh sách phân phối tài liệu)	10		
	- Tài liệu học tập được cấp trên cung cấp nhưng chưa được phân bổ đầy đủ hoặc kịp thời đến người học	8		
	- Thiếu tài liệu học tập theo quy định	5		
3.	<i>Đảm bảo thời gian hoàn thành tổ chức triển khai, quán triệt, tuyên truyền</i>	10		
	- Sớm hơn hoặc đúng so với thời gian quy định.	10		
	- Trễ không quá 1 tháng so với thời gian quy định.	8		
	- Trễ hơn 1 tháng hoặc không triển khai, quán triệt, cụ thể hóa.	5		
4.	<i>Tổ chức quản lý lớp học:</i>	10		
	- Phân công cán bộ theo dõi hội nghị, thực hiện điểm danh (kèm danh sách đại biểu vắng có lý do và không có lý do); báo cáo kết quả học tập nghị quyết, chỉ thị.	10		
	- Phân công cán bộ theo dõi hội nghị, thực hiện điểm danh, báo cáo kết quả học tập nghị quyết, chỉ thị; thiếu danh sách đại biểu tham gia hội nghị vắng (có lý do và không có lý do).	8		

	<i>- Không phân công cán bộ theo dõi hội nghị và không nắm số lượng đại biểu tham dự hội nghị.</i>	5		
5	<i>Các hình thức triển khai, quán triệt, tuyên truyền; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin</i>	10		
	- Có những điểm mới trong quán triệt, tuyên truyền cả về hình thức và nội dung (hình thức đa dạng, phong phú, chất lượng ngày càng được nâng lên) trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, như: tổ chức hội nghị trực tiếp, hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến, trên các nền tảng mạng xã hội, cổng thông tin điện tử của địa phương, cơ quan, đơn vị.	10		
	- Có ứng dụng CNTT nhưng chưa thường xuyên.	8		
	- Hình thức quán triệt, tuyên truyền theo truyền thống, không ứng dụng công nghệ thông tin	5		
6	<i>Tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia học tập, quán triệt</i>	10		
	- Trên 97%.	10		
	- Từ 80% đến dưới 97%.	8		
	- Dưới 80%.	5		
7	<i>Tỷ lệ đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân tham gia học tập.</i>	10		
	- Trên 85% trở lên.	10		
	- Từ 60% đến dưới 85%.	8		
	- Dưới 60%.	5		
8.	<i>Tính bình quân kết quả các cá nhân thực hiện bài kiểm tra đánh giá nhận thức của cán bộ, đảng viên.</i>	10		
	- Tỷ lệ bài đạt từ 85% trở lên.	10		
	- Tỷ lệ bài đạt từ 60% đến dưới 85%.	8		
	- Dưới 60%.	5		
9	<i>Tổ chức theo dõi, đánh giá việc triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Đảng</i>	10		
	- Thực hiện thường xuyên, đầy đủ	10		
	- Thực hiện không thường xuyên.	8		
	- Không thực hiện.	5		
10.	<i>Sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Đảng</i>	10		
	- Thực hiện đúng thời gian.	10		
	- Thực hiện chậm (không quá 30 ngày căn cứ theo Kế hoạch của Tỉnh ủy).	8		
	- Thực hiện chậm (quá 30 ngày căn cứ theo Kế hoạch của Tỉnh ủy) hoặc không thực hiện.	5		
	<i>Điểm cộng đối với tập thể</i>	5		
	- Tỷ lệ tham gia học tập, kiểm tra của cán bộ, đảng viên đạt 100%	1		

	- Chủ động biên soạn hoặc lựa chọn, cập nhật nội dung phù hợp với thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị	2		Có minh chứng cụ thể
	- Tổ chức các hình thức tuyên truyền, học tập sáng tạo, ứng công nghệ thông tin hiệu quả (Video, clip, Infographics, mạng xã hội, podcast, bài viết, tin, ảnh được đăng trên phương tiện truyền thông Đảng, cơ quan báo chí.....)	2		Có minh chứng cụ thể
II	ĐỐI VỚI CÁ NHÂN			
1	<i>Tham gia đầy đủ và ý thức, trách nhiệm học nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Đảng</i> - Dự tiếp thu, học tập đủ thời gian; thái độ học tập, tiếp thu nghiêm túc: <i>Tốt</i> - Dự tiếp thu, học tập đủ thời gian; thái độ học tập, tiếp thu bình thường: <i>Khá</i> - Dự tiếp thu, học tập không đủ thời gian; thái độ học tập, tiếp thu không nghiêm túc hoặc không tham gia học tập: <i>Chưa đạt yêu cầu</i>			
2	<i>Kết quả bài trắc nghiệm</i> - Trả lời đạt từ 75% trở lên số câu trả lời đúng xếp loại: <i>Tốt</i> - Trả lời đạt từ 60% đến dưới 75% câu trả lời đúng xếp loại: <i>Khá</i> - Trả lời đạt từ 50% đến dưới 60% câu trả lời đúng xếp loại: <i>Trung bình</i> - Trả lời dưới 50% câu trả lời đúng xếp loại: <i>Chưa đạt yêu cầu</i>			

- Tổng điểm đánh giá chất lượng, hiệu quả đối với tập thể: **100 điểm**.
- Đánh giá chất lượng, hiệu quả “Tốt”: Đạt từ 90 điểm trở lên
- Đánh giá chất lượng, hiệu quả “Khá”: Đạt từ 70 điểm đến dưới 90 điểm
- Đánh giá chất lượng, hiệu quả “Trung Bình”: Đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.
- Đánh giá chất lượng, hiệu quả “Chưa đạt yêu cầu”: dưới 50 điểm.